

Biểu mẫu 09

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Ủy ban Nhân dân Quận 10 – Thành phố Hồ Chí Minh

TRƯỜNG THCS Trần Phú

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2018 – 2019

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Thu nhận toàn bộ học sinh có hộ khẩu, KT3 tại địa bàn Phường 15, Phường 13KP3,4,5,6,7 - Quận 10 đã tốt nghiệp Tiểu học, đủ tuổi theo qui định của Bộ GD&ĐT.	Ưu tiên nhận học sinh có hộ khẩu, KT3 tại Phường 15, Phường 13KP3,4,5,6,7,8 - Quận 10 có nhu cầu chuyển trường từ nơi khác về.		
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Phối hợp chặt chẽ, thường xuyên và kịp thời giữa nhà trường và gia đình. - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, năng lực tự học của học sinh là chính. - Học sinh có ý thức tự giác học tập, tu dưỡng đạo đức, lễ phép văn minh trong ứng xử, chấp hành tốt luật pháp và tích cực tham gia các hoạt động đoàn thể, xã hội.			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Đầy đủ phòng học và phòng phục vụ học tập và trang thiết bị dạy học			
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; tổ chức các hoạt động tập thể vui tươi lành mạnh gắn với hỗ trợ học tập cho học sinh; tham quan dã ngoại,.....			
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý đủ số lượng, đủ năng lực giảng dạy. Quản lý chặt chẽ các hoạt động học tập và vui chơi của học sinh			

Quận 10, ngày 05 tháng 09 năm 2018

Thủ trưởng đơn vị

Trần Thị Mỹ Hạnh

Biểu mẫu 10

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Ủy ban Nhân dân Quận 10 – Thành phố Hồ Chí Minh
TRƯỜNG THCS Trần Phú

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường
trung học phổ thông, năm học 2018 – 2019**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1417	411	348	353	305
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1321 93.23%	394 95.86%	319 91,67%	324 91,78%	284 93,11%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	91 6.42%	17 4.14%	28 8.05%	28 7.93%	18 5.90%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	5 0.35%	0	1 0.29%	1 0.28%	3 0.98%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1417	411	348	353	305
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	443 31.26%	132 32.12%	125 35.92%	98 27.76%	88 28.85%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	581 41.00%	193 46.96%	144 41.38%	145 41.08%	99 32.46%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	362 25.55%	76 18.49%	75 21.55%	94 26.63%	117 38.36%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	31 2.19%	10 2.43%	4 1.15%	16 4.53%	1 0.33%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1417	411	348	353	305
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1386 97.81%	401 97.57%	344 98.85%	337 95.47%	304 97.81%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	443 31.26%	132 32.12%	125 35.92%	98 27.76%	88 28.85%
b	Học sinh tiên tiến	581 41.00%	193 46.96%	144 41.38%	145 41.08%	99 32.46%

	(tỷ lệ so với tổng số)					
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	29 2.04%	10 2.43%	4 1.15%	14 3.96%	1 0.32%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	10 0.7%	2 0.48%	1 0.28%	6 1.69%	1 0.32%
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)					
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)					
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	2	0	0	0	2
1	Cấp huyện	2				2
2	Cấp tỉnh/thành phố	0	0	0	0	0
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	286	0	0	0	286
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	286	0	0	0	286
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	92 32.2%				92 100%
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	110 38.5%				110 100%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	84 29.4%				84 100%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	673/649	196/162	198/167	152/161	127/159
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	49	12	15	8	14

Quận 10, ngày 05 tháng 09 năm 2018

Trần Thị Mỹ Hạnh

Biểu mẫu 11

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Ủy ban Nhân dân Quận 10 – Thành phố Hồ Chí Minh
TRƯỜNG THCS Trần Phú

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ
thông, năm học 2018 – 2019**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	25	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	25	1,5m ² /hs
2	Phòng học bán kiên cố	0	0
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	4	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	0,05m ² /hs
7	Bình quân lớp/phòng học	36/25	-
8	Bình quân học sinh/lớp	40	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	3.736	3.3
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2015	3.6m ² /hs
VI	Tổng diện tích các phòng	1430	
1	Diện tích phòng học (m ²)	1500	1.25
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	412	0.34
3	Diện tích thư viện (m ²)	59	0.05
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	200	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	24	0
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	9	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6		2 bộ/10 lớp

1.2	Khối lớp 7		3 bộ/9 lớp
1.3	Khối lớp 8		2 bộ/9 lớp
1.4	Khối lớp 9		2 bộ/8 lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp...		
2.2	Khối lớp...		
2.3	Khối lớp...		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	90	13,3 hs/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	20	
2	Cát xét	10	0,32 cái/lớp
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Thiết bị khác...	15	1 cái/lớp
6			

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	20	
2	Cát xét	10	0,32 cái/lớp
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Thiết bị khác...	15	1 cái/lớp
..			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	75

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	4 2400m ²	150	1.41

XIII	Khu nội trú	0	0	
-------------	--------------------	---	---	--

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	6	0	3/3		0.17m ² /hs
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	1	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	1	
XVII	Kết nối internet	3	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	1	
XIX	Tường rào xây	có	

Quận 10, ngày 05 tháng 09 năm 2018

Thủ trưởng đơn vị

Trần Thị Mỹ Hạnh

Biểu mẫu 12

*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Ủy ban Nhân dân Quận 10 – Thành phố Hồ Chí Minh

TRƯỜNG THCS Trần Phú

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học
cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2018 – 2019**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	83		4	63	2	4	7		63	5	80	3		
I	Giáo viên	68		3	60	2				60	5	65	3		
	Trong đó số giáo viên dạy môn:														
1	Toán	10			10					10		9	1		
2	Lý	4			4					4		4			
3	Hóa	3			3					3		2	1		
4	Sinh	4		2	2				2	2		3	1		
	Địa	3			3				3			3			
	Sử	3			3					3		3			
	GDCD	2			2				1	1		2			
	Nhạc	2			2					2		2			
	Mỹ Thuật	2		1	1				1	1		2			
	TD	5			5					5		5			
	Tiếng Anh	12			12					12		12			
	Văn	11			11					11		11			
	Công nghệ	4			3	1			1	3		4			
	Tin	2			2					2		2			
	Môn khác	1				1			1			1			
II	Cán bộ quản lý	3		1	2					3		3			
1	Hiệu trưởng	1		1						1		1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2					2		2			
III	Nhân viên	13			1	1	4	7				13			

1	Nhân viên văn thư	1					1					1			
2	Nhân viên kế toán	1					1					1			
3	Thủ quỹ	0													
4	Nhân viên y tế	1					1					1			
5	Nhân viên thư viện	1					1					1			
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1				1						1			
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0													
8	Nhân viên công nghệ thông tin	1			1							1			
9	Nhân viên khác	7						7				7			

Quận 10, ngày 05 tháng 09 năm 2018

Thủ trưởng đơn vị

Trần Thị Mỹ Hạnh